

**DNTN VẬT TƯ TIỀN VÂN TOOLS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DNTN VẬT TƯ TIỀN VÂN TOOLS

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110659405

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

41 Đỗ Ngọc Du, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938547243

Fax:

Email: [lienlien12357@gmail.com](mailto:lienlien12357@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                        | 4632        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                          | 4633        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                                                                                           | 4649        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230        |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                              | 6820        |
| 6.  | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ phát sóng và sản xuất phim)                                                                                                                                                   | 7420        |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                    | 7710        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại cấm)                                                                                                                                                                       | 4690(Chính) |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                      | 4711        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                        | 4719        |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4722        |
| 12. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4723        |
| 13. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4724        |
| 14. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                           | 0810        |
| 15. | Hoàn thiện sản phẩm dệt<br>(Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng)                                                                                                                         | 1313        |

|     |                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                      | 1391 |
| 17. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                       | 1392 |
| 18. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                               | 1410 |
| 19. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                     | 2011 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                 | 2220 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                    | 2399 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                          | 4931 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                             | 4932 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                             | 5610 |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                      | 5630 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                               | 7730 |
| 27. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                | 7830 |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                               | 7911 |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                          | 7990 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ: vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí) | 4773 |

## 6. Chủ doanh nghiệp:

Họ và tên: PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/09/1997 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008197004947

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lũng, Xã Mỹ Bằng, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lũng, Xã Mỹ Bằng, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

## 7. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội